

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***23. Nguồn kinh phí**

	<u>Giá trị</u>
- Số đầu năm	1.850.014.832
- Tăng trong năm	-
- Giảm trong năm	13.345.455
- Số cuối năm	<u>1.836.669.377</u>

**24. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định**

	<u>Giá trị</u>
- Số đầu năm	15.738.190.750
- Tăng trong năm	-
- Giảm trong năm	3.581.817
- Số cuối năm	<u>15.734.608.933</u>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>117.609.732.633</b>	<b>113.067.936.112</b>
- Doanh thu hoạt động xây dựng	15.534.320.333	15.187.486.905
- Doanh thu hoạt động công ích	65.616.720.279	61.171.432.067
- Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	29.962.822.826	30.484.274.256
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	6.495.869.195	6.224.742.884
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>-</b>	<b>6.224.742.884</b>
- Tiền thu từ nhà thuộc 100% sở hữu nhà nước	-	6.224.742.884
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>117.609.732.633</b>	<b>106.843.193.228</b>
- Doanh thu hoạt động xây dựng	15.534.320.333	15.187.486.905
- Doanh thu hoạt động công ích	65.616.720.279	61.171.432.067
- Doanh thu hoạt động kinh doanh xăng dầu	29.962.822.826	30.484.274.256
- Doanh thu hoạt động cho thuê nhà	6.495.869.195	-

**02. Giá vốn hàng bán**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn hoạt động xây dựng	14.773.143.806	14.241.811.020
- Giá vốn hoạt động kinh doanh xăng dầu	27.710.500.747	28.458.287.397
- Giá vốn hoạt động công ích, khác	55.826.273.399	48.710.605.905
- Giá vốn hoạt động cho thuê nhà SHNN	4.792.380.282	-
<b>Cộng</b>	<b>103.102.298.234</b>	<b>91.410.704.322</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***03. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	2.003.871.641	2.272.242.629
<b>Cộng</b>	<b>2.003.871.641</b>	<b>2.272.242.629</b>

**04. Chi phí tài chính**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	163.358.950	163.358.950
- Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	41.323.018	
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(163.358.950)	(318.579.150)
<b>Cộng</b>	<b>41.323.018</b>	<b>(155.220.200)</b>

**05. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	474.622.635	463.817.365
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	690.529.662	117.945.924
- Chi phí bằng tiền khác	4.142.305	5.556.933
<b>Cộng</b>	<b>1.169.294.602</b>	<b>587.320.222</b>

**06. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí cho nhân viên	5.091.737.371	6.352.574.695
- Chi phí đồ dùng văn phòng	225.159.800	22.827.134
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.088.915	57.622.236
- Thuế, phí và lệ phí	1.704.488.250	852.518
- Chi phí bằng tiền khác	649.000.586	6.759.826.478
<b>Cộng</b>	<b>7.719.474.922</b>	<b>13.193.703.061</b>

**07. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thu nhập khác	-	32.961.955
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>32.961.955</b>

**08. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí khác	7.884.542	342.744.734
<b>Cộng</b>	<b>7.884.542</b>	<b>342.744.734</b>

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.573.328.955	3.769.145.673
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
> Các khoản điều chỉnh tăng	110.777.202	333.120.500
- Tổng thu nhập chịu thuế	7.684.106.157	4.102.266.173
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
- Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	1.536.821.231	820.453.235
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước (2% hoàn nhập quỹ KHCN)	5.341.065	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<u>1.542.162.296</u>	<u>820.453.235</u>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Giao dịch với các bên liên quan**

	<b>Tính chất giao dịch</b>	<b>Phát sinh trong kỳ</b>	<b>31/12/2018 Phải thu/Phải trả</b>
- Công ty TNHH MTV MT Đô Thị Thành Phố	Phải thu		4.328.050.972
	Phải trả		106.164.378
- Thành viên chủ chốt	Lương, thù lao	1.614.417.544	780.978.571

**02. Thông tin về bộ phận**

**Báo cáo kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018**

Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh vì Công ty chỉ hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chính là Công ích, xây dựng, xăng dầu, thuê nhà SHNN.

	<b>Xây dựng</b>	<b>Xăng dầu</b>	<b>Công ích</b>	<b>Thuê nhà SHNN</b>
- Doanh thu thuần	15.534.320.333	29.962.822.826	65.616.720.279	6.495.869.195
- Giá vốn hàng bán	14.773.143.806	27.710.500.747	55.826.273.399	4.792.380.282
- Lợi nhuận gộp	<u>761.176.527</u>	<u>2.252.322.079</u>	<u>9.790.446.880</u>	<u>1.703.488.913</u>

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý của Công ty. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý và hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty.

# CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính*

Mẫu số B 09 - DN

(Đơn vị tính: VND)

### 03. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngân hàng phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Công ty để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

#### • Các chính sách kế toán chủ yếu

- Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh phần IV.

#### • Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ và tiền gửi.
- Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 và ngày 31 tháng 12 năm 2017.
- Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.
- Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc đã định rằng:
  - *Độ nhạy của các khoản mục trên bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;*
  - *Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 31 tháng 12 năm 2018.*

#### • Rủi ro về giá hàng hóa

- Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hoá nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

**CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 3**

Số 200B Võ Văn Tần, Phường 05, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

*Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với báo cáo tài chính***Mẫu số B 09 - DN***(Đơn vị tính: VND)***• Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

***Phải thu khách hàng***

- Việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng của Công ty dựa trên các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Công ty có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng.
- Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được và tìm cách duy trì kiểm soát chặt chẽ đối với các khoản phải thu tồn đọng. Đối với các khách hàng lớn, Công ty thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

***Tiền gửi ngân hàng***

- Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số V.01. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

**• Rủi ro thanh khoản**

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.
- Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.
- Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

*Đơn vị tính: VND*

	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2018</b>			
- Phải trả người bán	26.013.716.498	-	26.013.716.498
- Các khoản phải trả khác	142.656.364	15.984.047.845	16.126.704.209
<b>Cộng</b>	<b>26.156.372.862</b>	<b>15.984.047.845</b>	<b>42.140.420.707</b>
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2017</b>			
- Phải trả người bán	16.273.057.800	-	16.273.057.800
- Các khoản phải trả khác	17.397.786	13.285.016.466	13.302.414.252
<b>Cộng</b>	<b>16.290.455.586</b>	<b>13.285.016.466</b>	<b>29.575.472.052</b>